

Số: 149/2018/QĐST – HNGĐ

Chiêm Hoá, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn T, xã TA, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn:** Chị Ma Thị L, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã TA, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện LB, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Văn V và chị Ma Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Hoàng Văn V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 01/12/2015. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh Việt.

Chị Ma Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 700.000^d/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, vào ngày 30 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị Ma Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết .

* **Về án phí:** Anh Hoàng Văn V tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Hoàng Văn V đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006407 ngày 14/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, nay được khấu trừ 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (Anh Việt đã nộp đủ tiền án phí). Trả cho Anh Hoàng Văn V số tiền 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do nộp tiền tạm ứng án phí còn lại.

Chị Ma Thị L phải chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H, huyện LB, tỉnh Tuyên Quang(Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Loan